UBND Xã: Yên Lãng **Biểu số 115/CK TC - NSNN**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

(Kèn theo Quyết định số 225 /QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của UBND xã Yên Lãng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**8.487.317.000**		**8.487.317.000**	**2.908.354.365**	**410.385.000**	**2.497.969.365**	**34,27**		**29,43**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	139.464.000		139.464.000	33.972.000		33.972.000	24,36		24,36
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	3.640.000		3.640.000	10,4		10,4
5	Chi phát thanh, truyền thanh	100.000.000		100.000.000						
6	Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	386.665.000	378.000.000	8.665.000	1546,66		34,66
7	Chi bảo vệ môi trường				14.784.000		14.784.000			
8	Chi các hoạt động kinh tế	65.000.000		65.000.000	39.585.000	32.385.000	7.200.000	60,9		11,08
	Ủy ban nhân dân	3.209.301.000		3.209.301.000	1.357.286.502		1.357.286.502	42,29		42,29
	Hội đồng nhân dân	398.300.000		398.300.000	85.961.689		85.961.689	21,58		21,58
	Hội đông y	16.092.000		16.092.000	4.023.000		4.023.000	25		25
	Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	4.023.000		4.023.000	25		25
	Hội người cao tuổi	88.200.000		88.200.000	10.994.800		10.994.800	12,47		12,47
	Hội chữ thập đỏ	25.600.000		25.600.000	5.989.800		5.989.800	23,4		23,4
	Hội nạn nhân da cam	16.092.000		16.092.000	4.498.250		4.498.250	27,95		27,95
	Hội TNXP	16.092.000		16.092.000	4.498.250		4.498.250	27,95		27,95
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.221.290.000		7.221.290.000	1.906.307.149		1.906.307.149	26,4		26,4
10	Chi cho công tác xã hội	213.116.000		213.116.000	49.371.000		49.371.000	23,17		23,17
11	Chi khác	483.753.000		483.753.000	474.030.216		474.030.216	97,99		97,99
12	Dự phòng, tiết kiệm chi	204.694.000		204.694.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									